

Được Ủy ban y học quốc gia Việt Nam  
Đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện để được lưu hành

# Silyhepatis

## Sirô

SDK: VN-15579-12

### THÀNH PHẦN

Mỗi ống 5 ml chứa:

Hoạt chất:

L-Arginine Hydrochloride 1000 mg

Tá dược: Dung dịch D-Sorbitol 70%, sucrose, enzymatically modified starch, natri methyl hydroxybenzoat, natri propyl hydroxybenzoat, acid citric khan, caramel, caramel flavor A-9029, ethanol, nước tinh khiết.

### DẠNG BẢO CHẾ

Sirô

### CHỈ ĐỊNH

- Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphate synthetase, thiếu ornithine carbamyl transferase.
- Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, arginosuccinic niệu.
- Điều trị hỗ trợ các rối loạn khó tiêu.
- Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng tập luyện ở những người bị bệnh tim mạch ổn định.
- Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tuýp I và II, tăng citrulin máu, arginosuccinic niệu và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase.

### LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

- Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphate synthetase, thiếu ornithine carbamyl transferase:

Đường uống:

- + Trẻ sơ sinh: 100 mg/kg mỗi ngày, chia 3-4 lần.
- + Trẻ từ 1 tháng đến 18 tuổi: 100 mg/kg mỗi ngày, chia 3-4 lần.

- Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, arginosuccinic niệu:

Đường uống:

- + Trẻ sơ sinh: 100-175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cùng thức ăn, hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.
- + Trẻ từ 1 tháng đến 18 tuổi: 100-175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cùng thức ăn, hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.

- Điều trị hỗ trợ các rối loạn khó tiêu:

Người lớn: Uống 3-6 g (3-6 ống)/ngày.

- Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng tập luyện ở những người bị bệnh tim mạch ổn định:

Người lớn: Uống 6-21 g (6-21 ống)/ngày, mỗi lần dùng không quá 8 g (8 ống).

- Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tuýp I và II, tăng citrulin máu, arginosuccinic niệu và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase:

Người lớn: Uống 1-20 g (3-20 ống)/ngày tùy theo tình trạng bệnh.

### CHỐNG CHỈ ĐỊNH

1. Bệnh nhân suy gan nặng
2. Bệnh nhân bị bệnh đường ruột

### NHỮNG LƯU Ý ĐẶC BIỆT VÀ CẢNH BÁO KHI DÙNG THUỐC

#### Thận trọng khi dùng thuốc cho những bệnh nhân này

1. Bệnh nhân dị ứng với caramel. Thuốc này có chứa caramel nên bệnh nhân bị dị ứng với caramel cần tham khảo ý kiến bác sỹ hoặc dược sỹ trước khi dùng thuốc.
2. Bệnh nhân tiểu đường. do thuốc này có chứa đường.
3. Bệnh nhân bị rối loạn điện giải.

3. Bệnh nhân bị rối loạn điện giải.

Chú ý:

1. Tuân theo đúng hướng dẫn và liều lượng.
2. Thuốc này chỉ dùng để uống, không được tiêm.
3. Tham khảo ý kiến của bác sỹ hoặc dược sỹ nếu các triệu chứng bệnh không cải thiện sau 1 tháng dùng thuốc.

### TƯƠNG TÁC THUỐC

Để tránh tương tác với các thuốc khác đặc biệt là rượu, bệnh nhân nên thông báo cho bác sĩ biết những thuốc khác đang sử dụng.

### SỬ DỤNG CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Do độ an toàn và hiệu quả của thuốc khi sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú chưa được xác định nên chỉ sử dụng thuốc cho những bệnh nhân này khi thật sự cần thiết.

### TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

- Đau và sưng bụng, giảm tiểu cầu, tăng creatin và creatinin.
- Phản ứng dị ứng với biểu hiện: phát ban, tay và mặt sưng và đỏ. Các triệu chứng này sẽ nhanh chóng biến mất khi ngừng dùng thuốc và sử dụng diphenhydramin.
- Tăng kali máu ở bệnh nhân bị bệnh thận.  
\* Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc

### SỬ DỤNG QUÁ LIỀU

Quá liều có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa thoáng qua kèm thở nhanh. Quá liều ở trẻ em có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa tăng clorid máu, phù não hoặc có thể tử vong. Nên xác định mức độ thiếu hụt và tính toán lượng dùng tác nhân kiềm hóa.

### HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

### BẢO QUẢN

Trong bao bì kín, ở nhiệt độ dưới 30°C.

### QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

5 ml/ống; 20 ống/ hộp.

### TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG

Tiêu chuẩn nhà sản xuất.